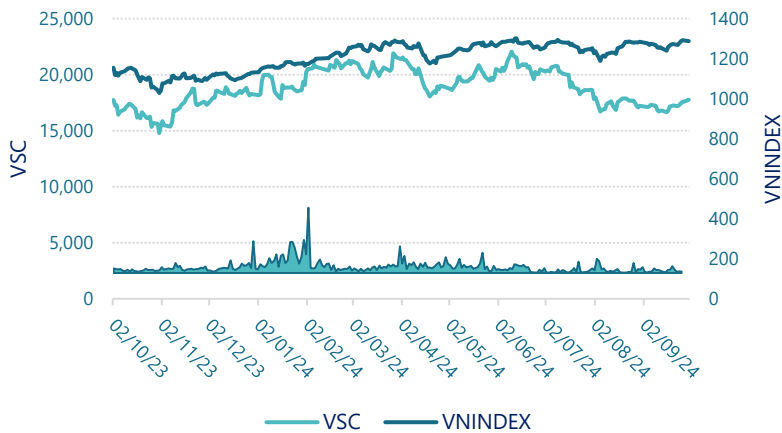




CTCP Container Việt Nam (HSX: VSC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	17,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,047
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,786
SL cổ phiếu LH	286,796,819
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,158,826
% sở hữu nước ngoài	3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,091
P/E	24.1
EPS	737

DT thuần
Q3/24

709

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.00| -1.2%

YoY: ▲ 152| 27.3%

LN sau thuế
Q3/24

78.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.3| -14.6%

YoY: ▲ 28.0| 55.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24

18.9%

+/- YoY: ▼ 3.4%

DT thuần
9T 2024

2,013

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 458| 29.5%

LN sau thuế
9T 2024

240

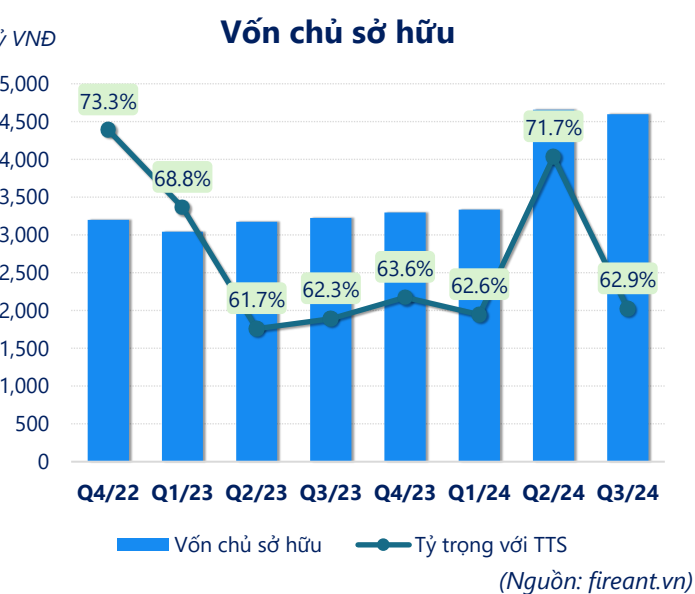
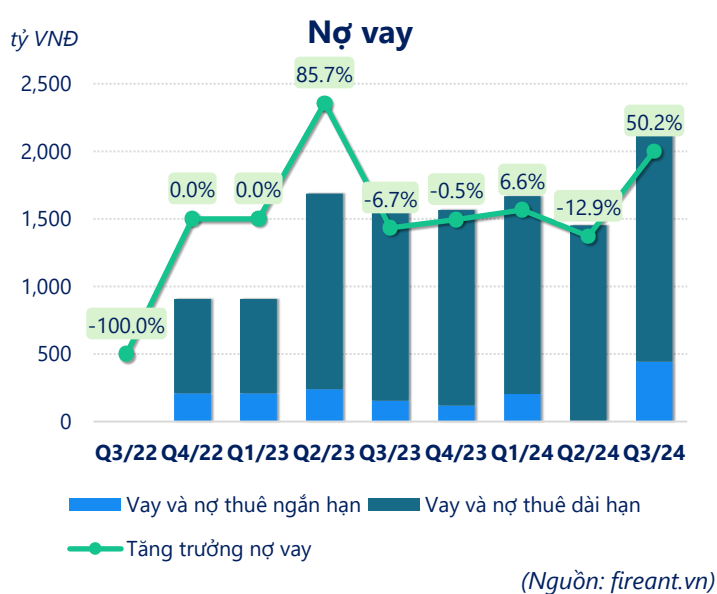
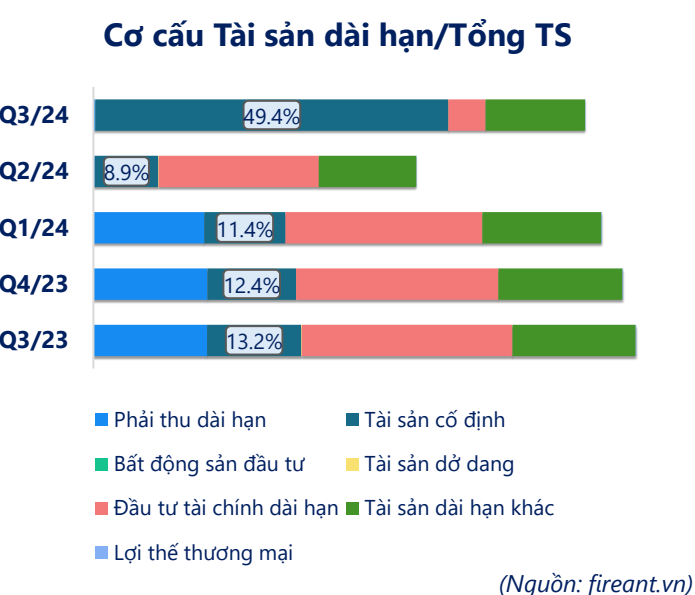
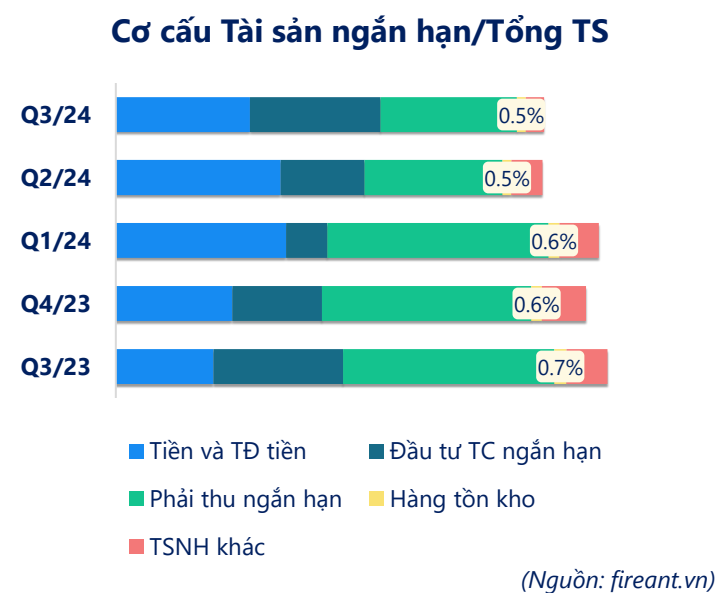
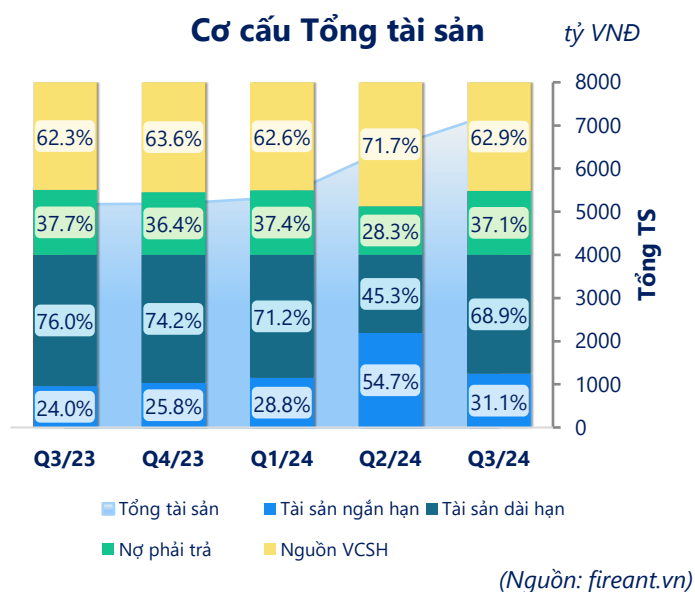
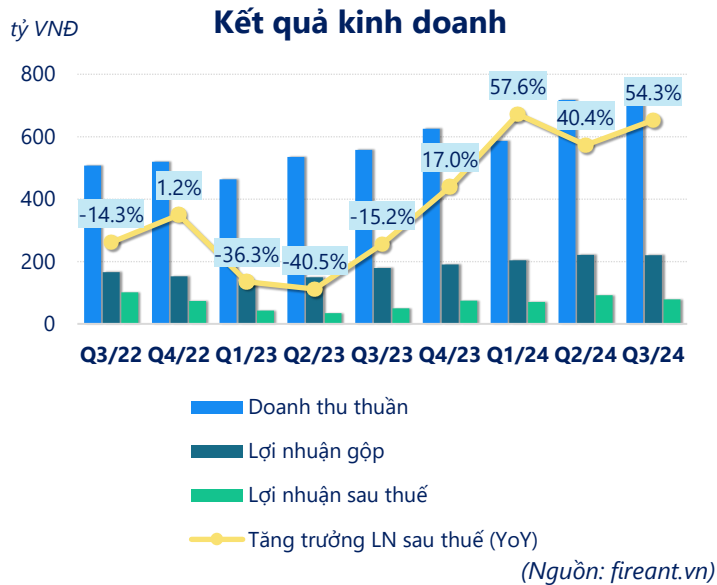
tỷ VNĐ

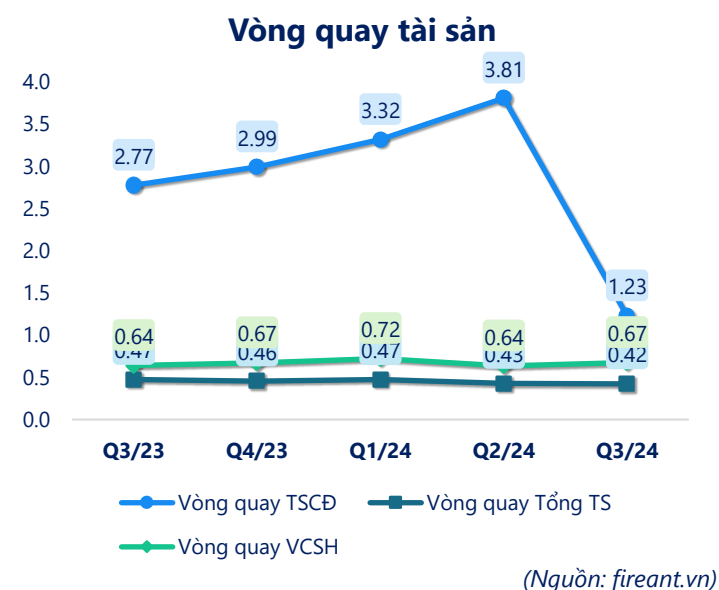
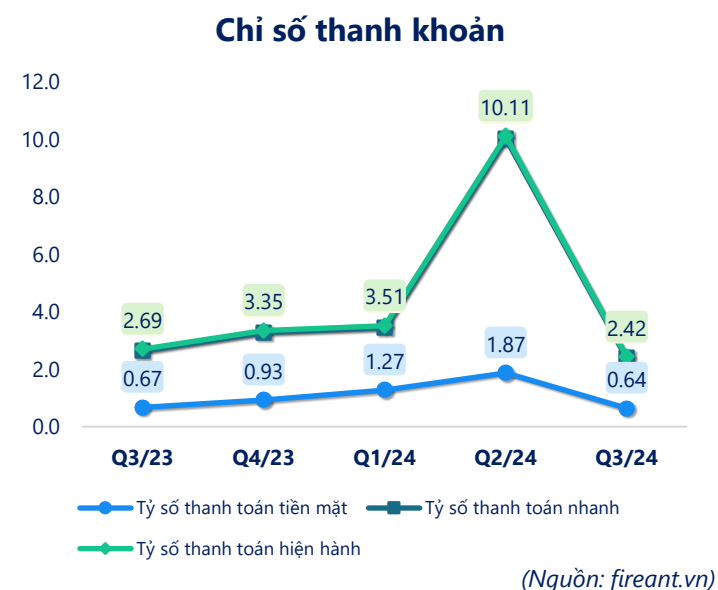
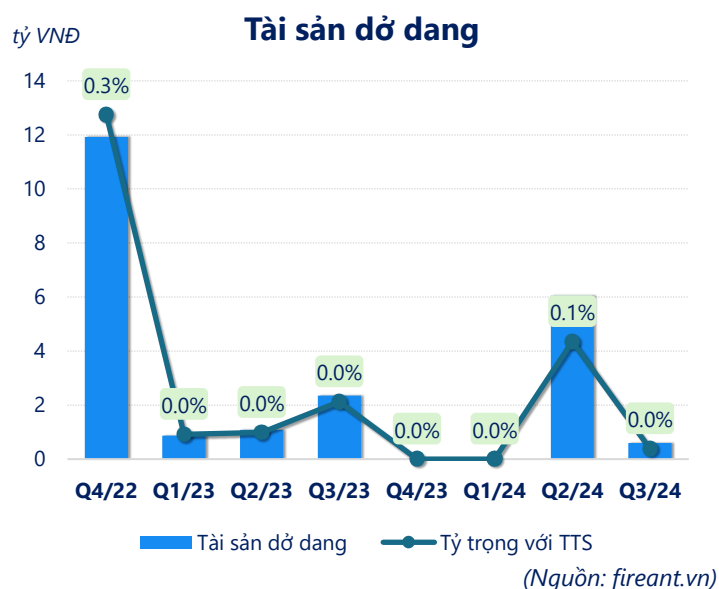
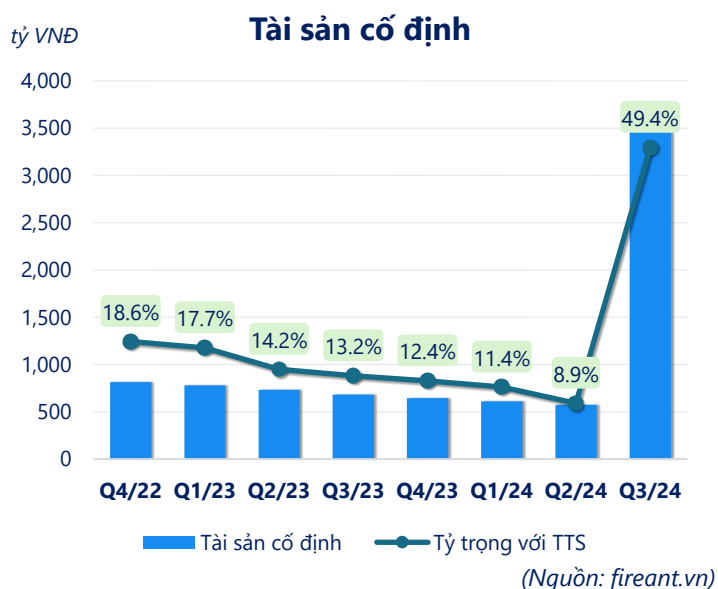
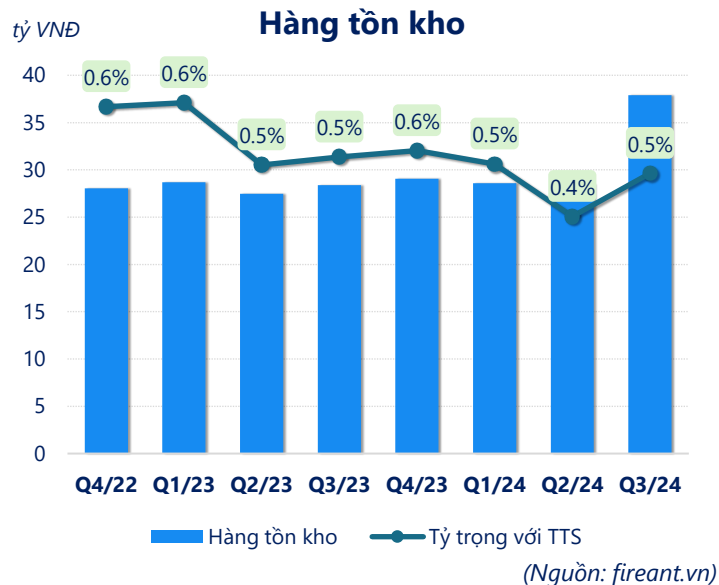
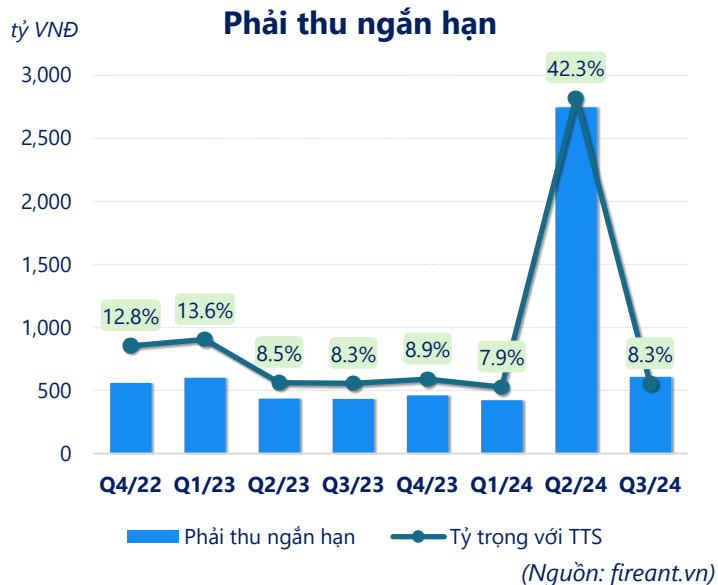
YoY: ▲ 113| 88.3%

ROE
Q3/24

5.4%

+/- YoY: ▲ 1.3%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	5,171	5,187	5,334	6,489	7,312
Tài sản ngắn hạn	1,241	1,339	1,535	3,551	2,274
Tiền và tương đương tiền	309	371	557	656	601
Đầu tư tài chính ngắn hạn	414	425	470	51.9	969
Phải thu ngắn hạn	431	460	422	2,745	607
Hàng tồn kho	28.4	29.1	28.6	28.5	37.9
Tài sản ngắn hạn khác	58.7	54.3	57.9	70.5	59.6
Tài sản dài hạn	3,930	3,848	3,799	2,937	5,038
Phải thu dài hạn	822	827	826	11.9	19.0
Tài sản cố định	683	644	609	575	3,615
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.35	0	0	6.05	0.60
Đầu tư tài chính dài hạn	1,526	1,470	1,470	1,454	380
Tài sản dài hạn khác	892	902	889	887	1,019
Lợi thế thương mại	4.06	4.57	4.57	4.30	4.30
Nợ phải trả	1,949	1,890	1,997	1,833	2,713
Nợ ngắn hạn	461	400	438	351	939
Vay và nợ thuê ngắn hạn	155	119	203	6.15	442
Phải trả người bán ngắn hạn	105	110	94.1	135	127
Nợ dài hạn	1,488	1,490	1,560	1,482	1,774
Vay và nợ thuê dài hạn	1,418	1,446	1,464	1,447	1,740
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,223	3,297	3,337	4,655	4,599
Vốn chủ sở hữu	3,223	3,297	3,337	4,655	4,599
Vốn điều lệ	1,334	1,334	1,334	2,668	2,868
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)